

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 1002/03-26

Mã mẫu: 2603NT261 (109/03-26) Trang: 1/1

Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG NÔNG LÂM
 : Lô O51, Khu nhà Vạn Phúc 1, đường Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình, Tp.HCM
 : CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM - NHÀ MÁY SỮA THỐNG NHẤT

Địa chỉ lấy mẫu : 12 Đặng Văn Bi, Phường Thủ Đức, TP. HCM

Ngày lấy (nhận) mẫu : 12/03/2026 **Ngày trả kết quả:** 19/03/2026

Thời gian lưu mẫu : 5 ngày kể từ ngày trả kết quả

Loại mẫu : Nước thải

Mô tả mẫu : Nước trong

Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, các hoạt động bình thường

Ký hiệu/vị trí lấy mẫu : Lấy tại đầu ra của Hệ thống XLNT - Nước thải đầu ra sau HT XLNT

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT (cột B, Kq=0,9, Kf=1)
1	pH ^(a)	-	TCVN 6492:2011	8,28	5,5 – 9
2	Độ màu ^(a)	Pt-Co	SMEWW 2120.C:2023	KPH MDL=6,0	150
3	TSS ^(a)	mg/L	TCVN 6625:2000	<6	90
4	BOD ₅ ^(a)	mg/L	TCVN 6001-1:2021	12	45
5	COD ^(a)	mg/L	SMEWW 5220.C:2023	25	135
6	Florua (F ⁻) ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-F ⁻ .B&D:2023	KPH MDL=0,03	9
7	NH ₄ ⁺ (tính theo N) ^(a)	mg/L	TCVN 5988:1995	KPH MDL=0,6	9
8	Tổng N ^(a)	mg/L	TCVN 6638:2000	<9,0	36
9	Tổng P ^(a)	mg/L	TCVN 6202:2008	0,27	5,4
10	Sắt (Fe) ^(a)	mg/L	US EPA 200.7	KPH MDL=0,03	4,5
11	Niken (Ni) ^(a)	mg/L	US EPA 200.7	KPH MDL=0,007	0,45
12	Cadimi (Cd) ^(a)	mg/L	US EPA 200.7	KPH MDL=0,0017	0,09

Ghi chú:

KPH: Không phát hiện (<MDL)

MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp

QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp

(a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận

(b): Thông số đã được ISO/IEC 17025:2017 công nhận

(c): Thông số gửi nhà thầu phụ

PHÒNG THỬ NGHIỆM
Trưởng phòng

HOÀNG VĂN NAM

